

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN NHƯ XUÂN**

Số: /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Như Xuân, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình Nâng cấp Trường mầm non Thanh Phong, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Hạng mục: Nhà lớp học 2 tầng 10 phòng và các công trình phụ trợ khác, hệ thống PCCC

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NHƯ XUÂN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 06 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 30/2016/QH14, Luật 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/03/2021 của Chính Phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/2/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 10/5/2023 của HĐND huyện Như Xuân về việc điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án: Nâng cấp Trường mầm non Thanh Phong, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Hạng mục: Nhà lớp học 2 tầng 10 phòng và các công trình phụ trợ khác, hệ thống PCCC;

Căn cứ Văn bản số 252/TĐ-PCCC ngày 26/6/2023 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH Công an tỉnh Thanh Hóa thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy chữa cháy công trình Nâng cấp Trường mầm non Thanh Phong, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Hạng mục: Nhà lớp học 2 tầng 10 phòng và các công trình phụ trợ khác, hệ thống PCCC;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng tại báo cáo thẩm định số 77/KTHT-TĐ ngày 01/8/2023 (kèm theo Tờ trình số 507/TTr-BQLDA ngày 17/7/2023 của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình Nâng cấp Trường mầm non Thanh Phong, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Hạng mục: Nhà lớp học 2 tầng 10 phòng và các công trình phụ trợ khác, hệ thống PCCC, với các nội dung sau:

1. Tên công trình: Nâng cấp Trường mầm non Thanh Phong, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Hạng mục: Nhà lớp học 2 tầng 10 phòng và các công trình phụ trợ khác, hệ thống PCCC.

2. Chủ đầu tư: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện.

3. Mục tiêu đầu tư: Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất Trường mầm non Thanh Phong, đảm bảo các điều kiện giáo dục, đáp ứng nhu cầu giảng dạy và học tập cho giáo viên và học sinh Trường MN Thanh Phong.

4. Nhà thầu khảo sát, lập báo cáo KTKT: Công ty CP tư vấn và xây dựng TDT.

5. Nhà thầu thẩm tra: Công ty TNHH tư vấn đầu tư xây dựng và thương mại Trường Thịnh.

6. Địa điểm xây dựng: xã Thanh Phong, huyện Như Xuân.

7. Loại, nhóm, cấp công trình:

- Nhóm dự án: Nhóm C;
- Loại công trình: Công trình dân dụng;
- Cấp công trình: Công trình cấp III.

8. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn được áp dụng:

- Số bước thiết kế: 1 bước.
- Danh mục tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng: thống nhất theo báo cáo thẩm định số 77/KTHT-TĐ ngày 01/8/2023 của phòng Kinh tế và Hạ tầng.

9. Nội dung, quy mô đầu tư:

9.1. Nhà lớp học 2 tầng 10 phòng

a. Giải pháp kiến trúc:

Là khối nhà 2 tầng có kích thước mặt bằng tầng 1: 31,72mx 13,52m và phần tam cấp kích thước 0,9m x 61,2 m, Giao thông theo chiều dọc nhà là 01 hành lang rộng 2,4m, giao thông theo phương đứng là 03 cầu thang bộ rộng 3,9m; Chiều cao sàn tầng 1 là 3,6m, tầng 2 là 3,6m, chiều cao mái 1,9m, tổng chiều cao công trình từ nền sân 9,46 m. Công năng bao gồm 10 phòng học tiêu chuẩn 01 phòng hiệu trưởng, 01 phòng hiệu phó, 01 phòng y tế, 01 phòng kho tàng và thang tời thức ăn:

Tường khối xây gạch không nung vữa xi măng mác 50#, trát trong nhà VXM mác 75#, trát ngoài nhà VXM mác 75#, trát trần, gờ, phào, cạnh cửa VXM mác 75#; tường, trần lăn sơn trực tiếp không bả một nước lót, hai lớp phủ; sàn mái BTCT; Cửa đi, cửa sổ, vách kính bằng cửa nhôm hệ, kính an toàn dày 6.38mm; Bậc tam cấp, bậc cầu thang xây gạch không nung VXM mác 50#, mặt bậc lát đá Granite màu tối. Lan can cầu thang bộ được thiết kế là lan can sắt tổ hợp, lan can có chiều cao và tay vịn đảm bảo theo chỉ tiêu của tiêu chuẩn hiện hành về thiết kế Trường mầm non, lan can cầu dẫn từ nhà bếp sang nhà lớp học sử dụng hệ lan can thép hộp sơn tĩnh điện.

b. Giải pháp kết cấu:

- Móng: Móng bằng bê tông cốt thép với kích thước rộng cơ bản 1,2m; 1,4m; 1,6m; móng và giằng sử dụng bê tông đá 1x2 mác 200# giằng sử dụng bê tông cốt thép đá 1x2 với mác 200#. Cốt thép sử dụng cho móng dùng các loại thép CI và CII hoặc tương đương. Tường móng xây gạch bê tông VXM50#, bê tông lót móng sử dụng bê tông đá 4x6 mác 100#. Kích thước Giằng móng: 0,33x0,7m , giằng chân tường: 0,2x0,25m, giằng thang bộ: 0,22x0,35 m.

- Thân: Kết cấu chịu lực chính sử dụng khung BTCT toàn khối cột dầm sàn, kích thước dầm điển hình là 22x35cm và 22x60cm, kích thước cột 22x22cm, 22x30cm. Bê tông cột, dầm, sàn, cầu thang, lanh tô, ô văng sử dụng bê tông mác 200#. Sàn dày 10cm, 2 lớp thép D8a150. Cốt thép sử dụng nhóm thép CI và CII hoặc tương đương.

- Mái: Mái đổ BTCT tại chỗ, dày 10cm sử dụng bê tông đá 1x2 mác 200#. Mái tôn sóng dày 0,4mm; xà gồ thép hộp 40x80x1.4, tường thu hồi 110 xây gạch không nung VXM mác 50#.

c. Giải pháp cấp điện:

Từ mạng hạ thế của khu vực điện được dẫn đến áp tô mát tổng của toà nhà đặt tại tủ điện đặt tại đầu nhà bằng cáp PVC/Cu - (2x16) đi ngầm. Từ tủ điện được dẫn đến các phòng nhánh bằng cáp pvc/cu-(2x10) âm tường phía ngoài hành lang, các điểm rẽ nhánh xuống tủ điện phòng phải có hộp nối phân nhánh. Dây dẫn trong các phòng dùng dây dẫn đôi bọc nhựa PVC có tiết diện từ 1,5 mm² luôn trong ống nhựa đặt ngầm tường, sàn. Sử dụng đèn huỳnh quang 1,2m, chiếu sáng hành lang, cầu thang, wc dùng các đèn ốp trần đường kính 200 độ rọi 10 đến 30 lux.

d. Chống sét:

Hệ thống chống sét dùng phương pháp bảo vệ trọng điểm. Kim thu sét thép d16, L=1000 kết hợp dây thu, dẫn sét d10 đặt trên tường chắn mái của công trình, các kim thu sét được nối với nhau thành mạch kín. Giữa bộ phận thu sét và bộ nối đất được nối với nhau qua mỗi nối kiểm tra. Mỗi bộ nối đất gồm các cọc thép góc 63x63x5, L = 2,5m đóng cách nhau 6m trở lên ở độ sâu đảm bảo và các đầu cọc được nối với nhau bằng thép dẹt 40x4 hàn điện chắc chắn vào đầu cọc. Hệ thống nối đất thiết kế đảm bảo điện trở nối đất nhỏ hơn hoặc bằng 10 ôm.

e. Giải pháp cấp thoát nước:

Thoát mái ống u.PVC D90, hệ trục thoát cho 3 cụm WC riêng biệt trên mỗi tầng, 02 bể phốt độc lập cho 03 cụm wc trên. Hệ thống thoát nước sử dụng cho hệ thoát trực đứng vệ sinh và thoát hành lang, nước thải xí được thoát xuống bể phốt qua quá trình lắng và lọc chảy ra hệ thoát nước quanh nhà, nước thải rửa chảy trực tiếp ra hệ thoát nước ngoài nhà. Thoát nước mái thu nước từ mái xuống trực tiếp hệ thống thoát nước ngoài nhà.

Nước cấp vào công trình được lấy từ nước nguồn giếng khoan. Máy bơm sẽ đưa nước từ giếng khoan chứa nước ngầm lên téc nước mái. Nước từ téc nước mái

ra cấp cho các nhu cầu sinh hoạt của toàn bộ công trình. Nước từ bể mái xuống cho các phòng và các khu vệ sinh qua hệ thống ống đứng. Công trình bố trí 03 bể inox 1m³ đặt trên mái.

9.2. Cổng, tường rào, cấp điện nguồn cho các hạng mục:

- Tường rào: móng tường rào xây gạch bê tông đặc VXM mác 50#, Khối xây tường rào gạch bê tông rỗng, VXM mác 50#, trát tường VXM mác 75#, tường rào hoa sắt thép hộp sơn tĩnh điện phía mặt tiền. Tường rào cao 1,6m, bố trí liên tục và có khe lún cho đoạn tường rào trên 20m.

- Cổng: Cổng bao gồm cổng chính và cổng phụ, cánh cổng bằng sắt hộp mạ kẽm khung cổng dùng thép hộp 60x60x3mm, thanh đứng dùng thép hộp 16x16mm và sắt đặc 14x14mm dùng trang trí hoa văn trên cửa.

- Phần cấp nguồn đi dưới rãnh cáp ngầm sâu 0.75m rộng 0.4m, các dây được chọn loại cáp ngầm chuyên dụng và phù hợp tiết diện dây thiết kế cho từng hạng mục, dây cáp ngầm được bảo vệ bằng ống HDPE trong rãnh. Tủ điện hạ thế chuyên dụng được bố trí là nguồn cấp cho toàn công trình lấy nguồn điện từ cột hạ thế cạnh công trình, đi ngầm vào đến tủ hạ thế, cáp điện cấp cho tủ hạ thế là cáp điện 3 pha 4 dây.

9.3. Nhà xe giáo viên:

Nhà xe kết cấu cột thép, mái tôn kích thước 5x8,6m; kết cấu móng bê tông mác 200# có chõ bu lông, cột thép tròn, hệ vì kèo thép V tổ hợp. Liên kết cột vì kèo nhà xe bằng bản mã với mỗi hàn đảm bảo tiêu chuẩn hiện hành. Nền nhà xe đổ bê tông mác 150# trên nền đất san phẳng đầm chặt và được lót bởi lớp nilon tái sinh.

9.4. Phòng cháy chữa cháy trong ngoài nhà:

Thiết kế hệ thống bao gồm bể nước phòng cháy bê tông cốt thép đáy và nắp, tường xây bằng gạch không nung, thiết bị phòng cháy bao gồm hệ thống báo cháy báo khói, bình chữa cháy, hệ thống chữa cháy trong và ngoài nhà theo đúng quy định hiện hành. Hệ thống chữa cháy bằng bình chữa cháy: Toà nhà được lắp đặt các bình chữa cháy xách tay bằng bột ABC, khí CO₂; nội quy + tiêu lệnh chữa cháy. Các bình chữa cháy bố trí phân tán tại các lối thoát nạn và những nơi cần thiết, đảm bảo đủ điều kiện để dập tắt các đám cháy ở giai đoạn đầu mới phát sinh, thích hợp với tất cả các nhóm cháy của toà nhà. Hệ thống phòng cháy chữa cháy ngoài nhà và hệ thống báo cháy báo khói theo thiết kế đảm bảo và được thẩm duyệt PCCC theo quy định; bể nước PCCC là bể bê tông cốt thép với thể tích V=190m³.

9.5. Các hạng mục phụ trợ khác

- Giếng khoan cấp nước sinh hoạt: Khoan giếng, lắp đặt máy bơm cấp nước sinh hoạt. Giếng tạm tính theo kinh nghiệm tại khu vực dự án sâu 70m.

- Cải tạo sân: Thi công sân bê tông đổ bù diện tích đã phá dỡ công trình phục vụ thi công nhà 2T10P và sân lối đi sau nhà 2T10P kết nối các nhà lớp học và bếp. Sân bê tông đá 1x2, dày 10cm.

- Phá dỡ hiện trạng: Phá dỡ 02 nhà lớp học 1T02P và các phụ trợ khác. Khi thi công phá dỡ kết hợp giữa máy móc và thủ công phải đảm bảo an toàn cho người, thiết bị và môi trường xung quanh.

10. Tổng mức đầu tư, giá trị các khoản mục chi phí:

Tổng mức đầu tư: 11.000.000.000 đồng
(Bằng chữ: Mười một tỷ đồng)

Trong đó:

- Chi phí xây dựng:	9.672.529.000	đồng
- Chi phí QLDA:	303.014.000	đồng
- Chi phí tư vấn:	898.363.000	đồng
- Chi phí khác:	72.450.000	đồng
- Chi dự phòng:	53.644.000	đồng

11. Nguồn vốn: Ngân sách huyện năm 2023 và các năm tiếp theo.

12. Hình thức quản lý dự án: Thực hiện theo quy định của pháp luật.

13. Thời gian thực hiện: Năm 2023-2024.

Điều 2. Giao Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện căn cứ các nội dung được phê duyệt tại Điều 1, Quyết định này tổ chức triển khai các bước tiếp theo theo đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Chánh văn phòng HĐND&UBND huyện, Trưởng phòng Kinh tế & Hạ tầng, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch, Giám đốc ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện, Chủ tịch UBND xã Thanh Phong, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Như Xuân, Chi cục thuế khu vực Như Thanh – Như Xuân, Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực: HU, HĐND huyện (b/c);
- Chủ tịch UBND huyện (b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND huyện;
- Chủ đầu tư (05 bản);
- Trang thông tin điện tử huyện;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Anh Tuấn

PHỤ BIỂU
TỔNG MỨC ĐẦU TƯ CÔNG TRÌNH
CÔNG TRÌNH: NÂNG CẤP TRƯỜNG MẦM NON THANH PHONG, HUYỆN NHƯ XUÂN, TỈNH THANH HÓA.
HẠNG MỤC: NHÀ LỚP HỌC 2 TẦNG 10 PHÒNG VÀ CÁC CÔNG TRÌNH PHỤ TRỢ KHÁC, HỆ THỐNG PCCC
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của Chủ tịch UBND huyện)

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	Tỷ lệ %	Hệ số	CÁCH TÍNH	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	THUẾ GTGT	GIÁ TRỊ SAU THUẾ	KÝ HIỆU
I	Chi phí xây dựng				8.793.207.076	879.320.708	9.672.529.000	Gxd
1	NHÀ LỚP HỌC 2 TẦNG 10 PHÒNG		1	Theo bảng tổng hợp dự toán hạng mục	7.438.387.912	743.838.791	8.182.227.000	
2	PHÁ DỠ		1		107.803.197	10.780.320	118.584.000	
3	NHÀ XE GIÁO VIÊN		1		51.736.314	5.173.631	56.910.000	
4	CÔNG, TƯỜNG RÀO MẶT TIỀN		1		154.103.232	15.410.323	169.514.000	
5	BỂ PCCC VÀ NHÀ BƠM		1		245.151.344	24.515.134	269.666.000	
6	HỆ THỐNG PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY		1		587.960.879	58.796.088	646.757.000	
7	HẠ TẦNG		1		208.064.198	20.806.420	228.871.000	
II	Chi phí quản lý dự án	3,446%		Gxd trước thuế x tỷ lệ	303.013.916		303.014.000	Gqlda
III	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng				825.014.993	73.347.564	898.363.000	Gtv
1	Chi phí khảo sát địa hình, địa chất			Theo QĐ số 364/QĐ-BQLDA ngày 18/5/2023 của BQL DA ĐTXD huyện	73.279.091	7.327.909	80.607.000	
2	Chi phí lập nhiệm vụ khảo sát xây dựng	3%		Gks trước thuế x tỷ lệ	2.198.373	219.837	2.418.000	
3	Chi phí lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật	4,059%		Gxd trước thuế x tỷ lệ	356.916.275	28.553.302	385.470.000	
4	Chi phí thẩm tra Báo cáo kinh tế - kỹ thuật	0,508%	1,2	Gxd trước thuế x tỷ lệ	53.603.390	4.288.271	57.892.000	
5	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu thi công xây dựng	0,432%		Dự toán gói thầu trước thuế x tỷ lệ	38.383.880	3.070.710	41.455.000	

6	Chi phí giám sát thi công xây dựng	3,285%		Dự toán gói thầu XD trước thuế x tỷ lệ	288.856.852	28.885.685	317.743.000	
7	Chi phí giám sát công tác khảo sát xây dựng	4,072%		Gks trước thuế x tỷ lệ	2.983.925	298.392	3.282.000	
8	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu	0,05%		Dự toán gói thầu XD+TB trước thuế x tỷ lệ	4.396.604	351.728	4.748.000	
9	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu	0,05%		Dự toán gói thầu XD+TB trước thuế x tỷ lệ	4.396.604	351.728	4.748.000	
IV	Chi phí khác				71.746.266	703.457	72.450.000	Gk
1	Chi phí bảo hiểm công trình	0,08%		Gxd trước thuế x tỷ lệ	7.034.566	703.457	7.738.000	
2	Phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng	0,019%	0,5	Tổng mức đầu tư x tỷ lệ	1.045.000		1.045.000	
3	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	0,387%		Tổng mức đầu tư x tỷ lệ	42.603.000		42.603.000	
4	Chi phí thẩm định phê duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy	0,010%		Tổng mức đầu tư không bao gồm chi phí GPMB x tỷ lệ	1.063.700		1.064.000	
5	Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng			Tạm tính	20.000.000		20.000.000	
V	Chi phí dự phòng						53.644.000	Gdp
1	Dự phòng cho yếu tố khối lượng phát sinh	0,49%		(Gxd+Gtb+Gqlđ+Gtv+ Gk) sau thuế x tỷ lệ			53.644.000	
	Tổng cộng						11.000.000.000	Gxdct